

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2488/TTr-SNV ngày 15 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban đảng, đoàn thể thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.03b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND

ngày tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

I. QUAN ĐIỂM

1. Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

3. Cải cách hành chính phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ trình, bước đi phù hợp.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách của các địa phương khác trong cả nước và cải cách các nước có nền hành chính phát triển để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

6. Chủ đề cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021-2025 là: **“Kỷ luật, trách nhiệm, minh bạch, sáng tạo, phát triển”**. Khi xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về cải cách hành chính phải theo phương châm 5 dễ, đó là: **“Dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra giám sát”**.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân.

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 05 năm tới là: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển tỉnh; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Cải cách thể chế

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được xây dựng, hoàn thiện đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và có tính khả thi cao; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội;

- 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật hàng năm được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020;

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, giảm chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp;

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử;

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên;

- Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các cấp chính quyền trong tỉnh, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%;

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%;

- 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời;

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ (các thông tin, giấy tờ, tài liệu phải cập nhật mới hoặc bổ sung, thay thế).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh đúng quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh;

- 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh được quy định đầy đủ, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị;

- Giảm 10% số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong giới thiệu ứng cử, đề bạt bổ nhiệm cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút những người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh;

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định;

- 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh có cơ cấu, số lượng cấp phó đảm bảo theo đúng quy định;

- Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dồi dư do tác động của việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

2.5. Cải cách tài chính công

- Nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp), đảm bảo:

+ Tối thiểu 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên được chuyển sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên.

+ Tối thiểu 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên được chuyển sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên.

+ Tối thiểu 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên được chuyển sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên.

- 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với cổng Dịch vụ công quốc gia;

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử;

- 100% các báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo quy định;

- 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- 80% các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu không phải cung cấp lại.

III. NHIỆM VỤ

Thực hiện theo Phụ lục các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 kèm theo Kế hoạch này.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của ngành, địa phương; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công

tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cải cách hành chính. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và tham mưu của các cơ quan có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời đưa ra khỏi bộ máy những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; có cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức và các

nội dung quản lý nhà nước khác nhau. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cấp chính quyền.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh theo Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để tổ chức thực hiện.

1.2. Các Sở, Ban, ngành được giao chủ trì các đề án, dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

1.3. Lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án và nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của ngành, địa phương.

1.4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các Chương trình, Kế hoạch, chủ đề công tác từng giai đoạn, hàng năm của ngành, địa phương.

1.5. Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, theo chuyên đề, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

1.6. Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã theo quy định pháp luật.

2. Sở Nội vụ

2.1. Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Kế hoạch này. Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, theo chuyên đề.

2.2. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

2.3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

2.4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm và báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

2.5. Thẩm định các đề án thí điểm cải cách hành chính do các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.6. Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2.7. Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính ở các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2.8. Đến hết năm 2025, tiến hành tổng kết thực hiện Kế hoạch này, để tiếp tục xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính của giai đoạn 2026-2030.

3. Sở Tư pháp

3.1. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách thể chế.

3.2. Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

4.1. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính.

4.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành hệ thống thông tin theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Công Dịch vụ công của tỉnh; hệ thống quản lý văn bản của tỉnh.

5. Sở Tài chính

5.1. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách tài chính công.

5.2. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà

nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện các Đề án, Dự án, Kế hoạch về cải cách hành chính theo quy định.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

7.1. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

7.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; cổng Dịch vụ công của tỉnh; hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của tỉnh.

7.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

7.4. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính. Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Y tế

Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công của tỉnh.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền về kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung không phù hợp thực tiễn hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời thông tin về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp)./.

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Hòa Bình

(kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trước 25/12 hàng năm
2	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông về CCHC giai đoạn 2022-2025 của tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I/2022
3	Xây dựng hệ thống thông tin CCHC của tỉnh	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
4	Nâng cấp hệ thống phần mềm theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC của tỉnh	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
5	Xây dựng phần mềm quản lý doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp và nhà đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Sở Thông Tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính	Năm 2022
6	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công của tỉnh giai đoạn 2022-2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Y tế	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
7	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh giai đoạn 2022-2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
8	Ban hành Kế hoạch và tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác CCHC hàng năm cho công chức, viên chức các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch tập huấn và triển khai thực hiện	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Hàng năm
9	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra CCHC, công chức, công vụ hàng năm	Kế hoạch của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh và Kế hoạch của Tổ công tác kiểm tra CCHC, công chức, công vụ	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh	- Ban Chỉ đạo: Năm 2023 và 2025; - Tổ công tác: Năm 2021, 2022 và 2024.
10	Điều tra, xác định Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch và Báo cáo phân tích kết quả điều tra	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
11	Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 12 hàng năm
12	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 12 hàng năm
13	Tổ chức đi tham quan, học tập hàng năm về các mô hình, kinh nghiệm hay trong công tác CCHC ở trong nước.	Kế hoạch tổ chức và triển khai thực hiện	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
II	CÁC LĨNH VỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Cải cách thể chế				
1.1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL hàng năm.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành	Hàng năm
1.2	Rà soát, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Sở Tư pháp	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1.3	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2022 - 2025.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
1.4	Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; - Báo cáo kết quả kiểm tra.	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
1.5	Kiểm tra việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; - Báo cáo kết quả kiểm tra.	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành	Hàng năm
2	Cải cách thủ tục hành chính				
2.1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát; Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hàng năm.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Hàng năm
2.2	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Hàng năm
2.3	Rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020	- Báo cáo kết quả rà soát của các cơ quan đơn vị; - Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa của Chủ tịch UBND tỉnh.	Cơ quan được giao chủ trì rà soát	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh
2.4	Quyết định công bố TTHC mới; TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Sau khi Quyết định công bố của Bộ, Ngành có hiệu lực thi hành
2.5	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	Bộ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2.6	Thực hiện luân chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được bằng phương thức điện tử.	Báo cáo kết quả thực hiện (Đảm bảo đến hết năm 2022 đạt 50% và từ năm 2023 trở đi, mỗi năm tăng tối thiểu 10%.)	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
2.7	Triển khai các nhiệm vụ theo Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh (luân chuyển hồ sơ giải quyết TTHC giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan bằng phương thức điện tử; thanh toán phí, lệ phí trực tuyến; số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; đề xuất giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4)	Báo cáo kết quả thực hiện (bảo đảm đạt các mục tiêu theo Đề án và các mục tiêu của Kế hoạch này)	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính				
3.1	Trình UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Sở Nội vụ	Chậm nhất sau 60 ngày, kể từ khi có Thông tư hướng dẫn của các Bộ chủ quản

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
3.2	Trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở	Các Quyết định của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Sở Nội vụ	Chậm nhất sau 60 ngày, kể từ khi có Thông tư hướng dẫn của các Bộ chủ quản
3.3	Rà soát, trình UBND tỉnh ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Các Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở: Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan	Năm 2022
4	Cải cách chế độ công vụ				
4.1	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Bản mô tả công việc và khung năng lực theo vị trí việc làm	Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương hoặc khi không còn phù hợp
4.2	Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do tác động của việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Năm 2024
4.3	Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp số lượng cấp phó của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh đảm bảo theo đúng quy định	Báo cáo kết quả thực hiện	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Năm 2024

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4.4	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm.	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
4.5	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030"	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
4.6	Thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tham nhũng; Công văn số 1198/UBND-NC ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	- Kế hoạch thực hiện; - Quyết định luân chuyển, chuyển đổi; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Hàng năm
4.7	Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế đảm bảo đạt chỉ tiêu theo quy định	Các Quyết định; văn bản thẩm định.	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Hàng năm
4.8	Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án triển khai hệ thống thông tin và thẻ điện tử cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
4.9	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, phát hiện những người có tài năng trong hoạt động công vụ (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài)	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I hàng năm
4.10	Rà soát, phát hiện, lập danh sách những người có tài năng trong hoạt động công vụ	Báo cáo rà soát và danh sách đề nghị	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Quý II hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4.11	Tổng hợp, trình UBND phê duyệt hoặc đưa vào, đưa ra những người có tài năng trong hoạt động công vụ để thực hiện chính sách đối với những đối tượng này theo quy định	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý II hàng năm
5	Cải cách tài chính công				
5.1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự đảm bảo một phần, đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên, đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư giai đoạn 2022-2025.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
5.2	Rà soát, báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành Công ty Cổ phần theo quy định tại Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tờ trình hoặc văn bản báo cáo của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Từ năm 2021 đến năm 2025
5.3	Rà soát, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
5.4	Rà soát, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5.5	Xây dựng, trình UBND tỉnh quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022
5.6	Xây dựng, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2022-2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021
5.7	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt trên 90%	Báo cáo kết quả thực hiện	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố được giao vốn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 12 hàng năm
5.8	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách đạt 100%	Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của 02 năm, trước năm báo cáo	Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, UBND các huyện, thành phố	Sở Tài chính	Tháng 12 hàng năm
6	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
6.1	Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Hàng năm
6.2	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp vào hệ thống điều hành đô thị thông minh của tỉnh và phục vụ cho công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2023

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
6.3	Đánh giá kết quả thí điểm và triển khai xây dựng đồng bộ Hệ thống các Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh	Báo cáo đánh giá thí điểm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2022
6.4	Hoàn thành việc triển khai xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh tại 03 đơn vị cấp huyện	Báo cáo kết quả thực hiện	UBND các huyện: Lương Sơn; Lạc Sơn và thành phố Hòa Bình	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2023
6.5	Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2022
6.6	Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử các thông tin, hồ sơ TTHC của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2022
6.7	Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án triển khai hệ thống khám chữa bệnh từ xa; hệ thống hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến cho người dân	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	Năm 2022
6.8	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xác định tiêu chuẩn đặc điểm của sản phẩm khi đưa lên sàn thương mại điện tử; xác định các giấy phép cần có của sản phẩm (chứng nhận an toàn thực phẩm; chứng nhận ocop; chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chứng nhận bài thuốc...); hỗ trợ người dân đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	Năm 2022

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
6.9	Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thí điểm truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân (triển khai tại cấp xã)	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2022
6.10	Đưa nội dung đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin vào trong các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo kết quả thực hiện	Các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội; Trường Chính trị tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	Hàng năm
6.11	Xây dựng và triển khai các ứng dụng: Thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến; Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trên điện thoại thông minh	Báo cáo kết quả thực hiện về các ứng dụng đã triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Năm 2022